

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 91/2019/DSPT

Ngày: 25/01/2019

V/v Tranh chấp hợp đồng đặt cọc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H

Với Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Vũ Đức T.**

Các Thẩm phán: 1/ Ông **Phùng Văn H**

2/ Ông **Trịnh Đức P**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Lê Đoàn Thục T**– Thư ký TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H tham gia phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Mộng L**- Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2019, tại phòng xử án TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 56/DSPT ngày 10/01/2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng đặt cọc”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 634/2018/DS-ST ngày 08/11/2018 của Tòa án nhân dân Quận AA, Thành phố H bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 216/2019/QĐPT ngày 17 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Văn Xuân T** (có mặt).

Địa chỉ: 34/2, Phường 2, quận B, Thành phố H.

Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn:

1. Ông **Võ Hữu T**; (vắng mặt).

Địa chỉ: MH, PM, BD.

2. Ông **Nguyễn Văn D**.(có mặt).

Địa chỉ: NH, AN, BD.

Bị đơn:

1. Ông **Lê M T**(có mặt);

Địa chỉ: 102 **Đ, L**, Quận AA, Thành phố H.

2. Ông **Trần Kim M**(có mặt).

Địa chỉ: 43D/30 **H**, Phường 9, quận **N**, Thành phố H.

Đại diện theo uỷ quyền của ông M: Bà **Nguyễn Thị Thu H**(vắng mặt).

Địa chỉ: 143/2/30 **P**, Phường 6, quận **V**, Thành phố H.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Trần Kim M: Ông Trần Cẩm C2, luật sư Văn phòng luật sư Trần Cẩm C2, thuộc Đoàn luật sư Thành phố H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Công ty Z;

Địa chỉ: 102 Đ, L, Quận AA, Thành phố H.

Đại diện hợp pháp của Công ty Z: Ông Nguyễn Quang V3(có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: 368/24/4 SN, phường SN, quận PT, Thành phố H.

2. Ngân hàng TMCP LV(vắng mặt);

Địa chỉ: 2A MK, phường KĐ, Quận AA, Thành phố H.

Đại diện hợp pháp của Ngân hàng LV: Bà Nguyễn Thị Thu H7và ông Trần Ngọc H8(bà H7có mặt, ông H8vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng LV: Ông Trần Ngọc H9, luật sư Công ty Luật TNHH MTV TC&A, thuộc Đoàn luật sư Thành phố H (có mặt).

Địa chỉ: 2A MK, phường KĐ, Quận AA, Thành phố H.

3. Ông Nguyễn Thế Ph(vắng mặt).

Địa chỉ: 49 (T3 sau) KK, phường KĐ, Quận AA, Thành phố H.

Đại diện theo uỷ quyền của ông PT: Ông Nguyễn Quang V3(có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: 368/24/4 SN, phường SN, quận PT, Thành phố H.

Người kháng cáo: Bị đơn – ông Lê M Th, ông Trần Kim M và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Ngân hàng LV

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn là ông Văn Xuân T có Người đại diện hợp pháp là ông Võ Hữu T trình bày:

Ngày 25/01/2018, Hội đồng Thành viên Công ty Z (sau đây viết tắt là Công ty M TK) lập Biên bản họp Hội đồng Thành viên, theo đó, Hội đồng Thành viên Công ty M TK gồm ông Trần Kim M– Chủ tịch Hội đồng Thành viên, tỷ lệ góp vốn 60%, giá trị 22.800.000.000 đồng và ông Lê M Th, Thành viên Công ty, tỷ lệ góp vốn 40%, giá trị 15.200.000.00 đồng, biểu quyết tán Th 100% chuyển nhượng toàn bộ cổ phần Công ty M TK với giá chuyển nhượng là 275.000.000.000 đồng và đề cử ông Th đại diện Hội đồng Thành viên Công ty M TK thực hiện và quyết định mọi vấn đề liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phần.

Ngày 27/01/2018, ông Văn Xuân T và ông Lê M Tký Hợp đồng đặt cọc sang nhượng dự án, theo đó, ông Th đại diện Thành viên Công ty M TK cam kết sang nhượng toàn bộ cổ phần Công ty M TK cho ông Th1với giá 275.000.000.000 đồng, đặt cọc bằng 10% giá chuyển nhượng, giao Th 03 lần trong đó lần hoàn tất là 45 ngày sau ngày 16/02/2018, trường hợp bên bán từ chối giao kết hoặc thực hiện nghĩa vụ dân sự đã thỏa thuận thì phải trả lại số tiền đặt cọc và một khoản tiền bằng 03 lần số tiền đặt cọc cho bên mua.

Thực hiện hợp đồng, ông Th1 đã giao 10.000.000.000 đồng cho ông Th và đã nộp 17.500.000.000 đồng còn lại vào tài khoản đứng tên ông Th1 mở tại Ngân hàng TMCP LV – Chi nhánh Tp. H – Phòng Giao dịch PH theo như đề xuất vào ngày 29/3/2018 của ông Th.

Sau khi hoàn tất nghĩa vụ đặt cọc, ông Th1 đã nhiều lần liên hệ, gửi văn bản, trong đó văn bản gần nhất đề ngày 16/4/2018, yêu cầu ông Th và ông M tiến hành thủ tục chuyển nhượng cổ phần nhưng ông Th và ông M không phản hồi văn bản thông báo mà trực tiếp từ chối chuyển nhượng cổ phần Công ty M TK cho ông Th1.

Do ông Th và ông M vi phạm nghĩa vụ nên ông đã rút lại 17.500.000.000 đồng đã nộp vào tài khoản mở tại Ngân hàng TMCP LV – Chi nhánh Tp. H – Phòng Giao dịch PH.

Nay, ông Th1 yêu cầu ông Th và ông M phải thanh toán ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật các khoản tiền sau:

- Trả lại 10.000.000.000 đồng còn giữ;
- Bồi thường khoản tiền bằng 03 lần số tiền đặt cọc là 82.500.000.000 đồng;
- Tổng cộng là 92.500.000.000 đồng.

Ông Th1 đề nghị Tòa án giữ nguyên việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đối với ông Trần Kim M và ông Lê M Để đảm bảo việc giải quyết vụ án và thi hành án; hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời đã áp dụng với ông Nguyễn Thế .

Bị đơn gồm:

- Ông Lê M Trình bày:

Ông thừa nhận nội dung trình bày của Nguyên đơn về tư cách Thành viên Công ty M TK, việc lập Biên bản họp Hội đồng Thành viên vào ngày 25/01/2018, việc ký Hợp đồng sang nhượng dự án ngày 27/01/2018, việc nhận 10.000.000.000 đồng của ông Th1 và việc ông Th1 nộp 17.500.000.000 đồng vào tài khoản đứng tên ông Th1 mở tại Ngân hàng là đúng.

Ông đã báo cho ông M biết việc ký hợp đồng đặt cọc và đề nghị chuyển số tiền đã nhận vào tài khoản Công ty hoặc chuyển cho ông M khoản tiền tương ứng với cổ phần ông M sở hữu nhưng ông M không đồng ý mà đề nghị chuyển tiền khi nhận đủ 27.500.000.000 đồng. Khi chưa kịp chuyển tiền cọc, ông biết ông M có ý định không bán cổ phần mà muốn thương lượng với ông Th1 để hủy bỏ hợp đồng.

Đến tháng 4/2018, ông đề nghị ông M nếu không bán cổ phần thì phải xử lý dứt điểm chuyện mua bán, hoàn tiền và tính toán đền bù thiệt hại cho ông Th1.

Theo đề nghị của ông M, ông đã ký Biên bản thỏa thuận đề ngày 11/4/2018 với ông M và ông Nguyễn Thế Ph và ký Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp đề ngày 12/4/2018 với ông PT. Theo đó, toàn bộ cổ phần của ông tại Công ty M TK được chuyển nhượng cho ông Ph với giá 15.200.000.000 đồng kèm theo 03 điều kiện, trong đó có điều kiện ông Ph chịu trách nhiệm thay mặt ông xử lý hợp đồng đặt cọc với ông Th1. Trên thực tế, ông không nhận tiền của ông Ph mà ngày 3/4/2018 ông Ph đã chuyển 10.000.000.000 đồng mua vốn góp vào tài khoản Công ty M TK tại Ngân hàng TMCP Phát triển Tp. H.

Nay, ông có ý kiến như sau;

(i) Hợp đồng đặt cọc sang nhượng dự án do ông Th1 soạn thảo nên có một số sai sót như: các bên thỏa thuận sang nhượng cổ phần nhưng tên hợp đồng lại là “sang nhượng dự án”; tại Điều 3 của hợp đồng ghi số tiền còn lại là 265.000.000.000 đồng là không chính xác, vì tiền cọc là 27.500.000.000 đồng thì số tiền còn lại phải là 247.500.000.000 đồng;

(ii) Trong sự việc này, các bên đều bị thiệt hại nên ông đề nghị trả lại ông Th1 10.000.000.000 đồng đã nhận, bồi thường 10.000.000.000 đồng, thanh toán trực tiếp hoặc mở tài khoản phong tỏa là 15.000.000.000 đồng, 5.000.000.000 đồng còn lại ghi nhận nợ và thanh toán sau. Đề nghị hủy bỏ việc cấm ông xuất cảnh đã được Tòa án áp dụng tại Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 62/QĐ – BPKCTT ngày 26/9/2018;

(iii) Ông Ph có trách nhiệm xử lý hợp đồng đặt cọc như đã cam kết.

Theo ông, cầm cố và thế chấp là 02 biện pháp bảo đảm khác nhau, dự án đang được thế chấp tại Ngân hàng TMCP LV nên việc ông cam kết dự án không cầm cố là không gian dối.

- Ông Trần Kim M có Người đại diện hợp pháp là ông Nguyễn Quang V3 trình bày:

Ông M thừa nhận nội dung trình bày của Nguyên đơn và ông Th về về tư cách Thành viên Công ty M TK, việc lập Biên bản họp Hội đồng Thành viên vào ngày 25/01/2018.

Theo nguyện vọng của ông Th và ông PT, ông M đã ký xác nhận với tư cách Chủ tịch Hội đồng Thành viên Công ty M TK đồng ý cho ông Th chuyển nhượng toàn bộ cổ phần của ông Th tại Công ty M TK cho ông Ph với giá 15.200.000.000 đồng theo Biên bản thỏa thuận đề ngày 11/4/2018 và Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp đề ngày 12/4/2018.

Nay, ông M không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Th1 và đề nghị Tòa án hủy bỏ việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đối với phần vốn góp của ông tại Công ty M TK vì những căn cứ sau:

- Hợp đồng đặt cọc sang nhượng dự án vô hiệu do:

+ Hội đồng Thành viên Công ty M TK giao ông Th thực hiện chuyển nhượng cổ phần của Công ty M TK, hoàn toàn không ủy quyền cho ông Th chuyển nhượng Dự án Khu du lịch phức hợp M TK tại xã TD, huyện QP, tỉnh GG do dự án này đang được Công ty thế chấp tại Ngân hàng LV;

+ Hợp đồng đặt cọc sang nhượng dự án có nhiều lỗi, nội dung không chặt chẽ, lủng củng và là hợp đồng giả tạo, gian dối, không có thật nhằm chiếm đoạt tiền của ông M; ông Th và ông Th1 có chủ mưu từ trước khi ông M ký Biên bản họp Hội đồng Thành viên nên ông Th1 chỉ dựa vào cam kết của ông Th để ký hợp đồng mà không kiểm tra thực địa, tìm hiểu dự án;

+ Ông Th không thông báo cho ông M biết việc ký hợp đồng với ông Th1, không giao cho ông M hoặc Công ty M TK số tiền đặt cọc đã nhận mà sử dụng vào mục đích

cá nhân, gian dối khi cam kết dự án không cầm cố, giả mạo khi hứa sẽ giao cho ông Th1 giấy tờ pháp lý của dự án.

- Ông Th1 chuyển tiền cho ông Th vào các ngày 12/02/2018 số tiền 2.000.000.000 đồng, ngày 07/3/2018 số tiền 3.000.000.000 đồng là vi phạm thời hạn chuyển tiền đã thỏa thuận trong hợp đồng. Theo thông báo của Ngân hàng TMCP LV – Chi nhánh Tp. H – Phòng Giao dịch PH thì ngày 30/3/2018 ông Th1 mở tài khoản số 02289001.2811 số dư 17.500.000.000 đồng. Số tiền này chưa chuyển vào tài khoản của ông Th nên vẫn là tiền của ông Th1. Do vậy, ông Th1 đã vi phạm lần hai nghĩa vụ chuyển tiền. Do vi phạm hợp đồng nên ông Th1 phải chịu mất cọc.

- Ông Th1 khởi kiện ông M là không đúng. Là Thành viên Công ty M TK, lẽ ra ông M tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Ông M khẳng định chỉ sau khi nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án của Tòa án nhân dân Quận AA ông mới biết việc ông Th đã ký Hợp đồng đặt cọc sang nhượng dự án với ông Th1.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm:

- Ông Nguyễn Thế Phốc Người đại diện hợp pháp là ông Nguyễn Quang V3 trình bày:

Ông Ph đã tìm hiểu và được biết Dự án Khu du lịch phức hợp M TK tại xã TD, huyện QP, tỉnh GG do Công ty M TK làm chủ đầu tư là dự án có thật, khả thi, đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép đầu tư.

Sau khi xem xét các tài liệu và diễn biến của Công ty M TK, ông Ph nhận thấy Hợp đồng đặt cọc sang nhượng dự án ký ngày 27/01/2018 giữa ông Th và ông Th1 có uẩn khúc, thiếu sót, gian dối, lung củng, nhiều thiếu sót, bên đặt cọc có nhiều vi phạm đúng như trình bày của ông M nên là hợp đồng vô hiệu, cần hủy bỏ.

Từ những nhận định trên, được sự đồng ý của ông Th và ông M, ông Ph đã ký Biên bản thỏa thuận đề ngày 11/4/2018 và Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp đề ngày 12/4/2018.

Ông Ph đã chuyển và ông Th đã nhận đủ tiền chuyển nhượng phần vốn góp là 15.200.000.000 đồng, trong đó có 10.000.000.000 đồng chuyển vào tài khoản Công ty M TK mở tại Ngân hàng TMCP Phát triển Tp. H vào ngày 3/4/2018.

Nay, ông Ph không đồng ý với ý kiến của ông Th đề nghị ông Ph có trách nhiệm xử lý hợp đồng đặt cọc sang nhượng dự án mà ông Th đã ký với ông Th1.

- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ M TK có Người đại diện hợp pháp là ông Nguyễn Quang V3 trình bày:

Công ty M TK thống nhất với ý kiến trình bày của phía ông Trần Kim M.

Công ty xác nhận ngày 3/4/2018, ông Ph đã chuyển 10.000.000.000 mua vốn góp của ông Th vào tài khoản của Công ty mở tại Ngân hàng TMCP Phát triển Tp. H.

- Ngân hàng TMCP LV có Người đại diện hợp pháp là ông Nguyễn Ngọc H8 trình bày:

Ngân hàng TMCP LV(sau đây viết tắt là Ngân hàng) cho Công ty M TK vay 290.000.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số HDTD5042017157 ký ngày 25/7/2017 và Phụ lục hợp đồng số 01 ký ngày 31/8/2017; dư nợ vay đến ngày 7/6/2018 là 250.000.000.000 đồng; tài sản thế chấp là các quyền sử dụng đất đứng tên Công ty M TK tại xã TD, huyện QP, tỉnh GG theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 58/2017/HĐTC/PGDPMH ký ngày 25/7/2017 và các quyền tài sản Phát triển từ Dự án Khu du lịch phức hợp M TK tại xã TD, huyện QP, tỉnh GG theo Hợp đồng thế chấp quyền tài sản số 59/2017/HĐTC/ PGDPMH ký ngày 25/7/2017.

Tại các hợp đồng đã giao kết không có điều khoản cấm Thành viên Công ty M TK chuyển nhượng vốn góp. Do vậy, Ngân hàng không có ý kiến về yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ông Trần Kim M và Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ M TK là Luật sư Nguyễn Văn KH7 trình bày:

Trong việc ký kết và thực hiện Hợp đồng đặt cọc sang nhượng dự án ngày 27/01/2018 các bên liên quan có những lỗi như sau:

- Đối với ông Lê M Th: Nhận cọc để sang nhượng dự án là thực hiện không đúng nội dung đề cử tại Biên bản họp Hội đồng Thành viên ngày 25/01/2018; cam kết dự án không cầm cố là không đúng sự thật; không thông báo cho ông M biết kết quả ký hợp đồng đặt cọc và việc nhận tiền cọc, sử dụng tiền cọc vào mục đích cá nhân mà không chuyển vào tài khoản Công ty M TK là vi phạm quy định về thanh toán tài chính và quản lý tiền tệ.

- Đối với ông Văn Xuân T: Không tìm hiểu kỹ dự án, giao tiền cọc mà không đi khảo sát thực tế là cần phải xem xét mục đích, động cơ ký hợp đồng; chậm nộp tiền cọc, không có đủ 265.000.000.000 đồng để ký chuyển nhượng dự án, khi xảy ra tranh chấp không liên lạc với ông Th để thương lượng hoặc gặp ông M để giải quyết là có vấn đề không bình thường; khởi kiện ông Trần Kim M là không có căn cứ vì ông M không ký hợp đồng; nộp đơn kiện vào ngày 3/5/2018 khi chưa đến ngày hết hạn thực hiện hợp đồng 30/6/2018 là không đủ điều kiện khởi kiện quy định tại khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với ông Nguyễn Thế PT: Nhận chuyển nhượng phần vốn góp của ông Th và trở Thành viên Công ty M TK là hợp pháp; chỉ chịu trách nhiệm xử lý hợp đồng đặt cọc có liên quan đến mình và không phải chịu trách trả 10.000.000.000 đồng hoặc giải quyết hậu quả của hợp đồng đặt cọc thay ông Th.

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố Hợp đồng đặt cọc sang nhượng dự án ngày 27/01/2018 vô hiệu theo quy định tại các Điều 122, 124, 126, 127, 129, 131 của Bộ luật dân sự năm 2015 và thu hồi, hủy bỏ các quyết định, thông báo đã gửi đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để trả lại hoạt động bình thường cho Công ty M TK, vì:

- Lỗi của ông Lê M T và ông Văn Xuân T như đã nêu trên;
- Đây là văn bản ký kết giữa doanh nghiệp và cá nhân nhưng không đóng dấu của Công ty M TK là không tuân thủ quy định về hình thức;

- Hợp đồng được ký kết là có vấn đề không bình thường, có sự lừa dối hay nhầm lẫn, hoặc giả cách nhằm đạt động cơ, mục đích khác.

Bản án dân sự sơ thẩm số 634/2018/DS-ST ngày 08/11/2018 của Tòa án nhân dân Quận AA đã tuyên như sau:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 328 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn:

Buộc ông Lê M T và ông Trần Kim M phải liên đới trả cho ông Văn Xuân T tiền cọc còn giữ là 10.000.000.000 đồng và khoản tiền bằng ba lần tiền cọc là 82.500.000.000 đồng, tổng cộng là 92.500.000.000 đồng.

Thi hành ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời “Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ” phong tỏa phần vốn góp của ông Trần Kim M có trong Công ty TNHH Thương mại – Dịch vụ M TK đã được Tòa án nhân dân Quận AA áp dụng tại Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 42/QĐ – BPKCTTT ngày 25 tháng 7 năm 2018 và Quyết định bổ sung quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 3742/2018/QĐ SCBS ngày 27 tháng 7 năm 2018.

3. Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời “Cấm xuất cảnh đối với người có nghĩa vụ” cấm xuất cảnh đối với ông Lê M T đã được Tòa án nhân dân Quận AA áp dụng tại Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 62/QĐ – BPKCTT ngày 26 tháng 9 năm 2018.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 12/11/2018, ông Lê M T có đơn kháng cáo kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 22/11/2018, ông Trần Kim M có đơn kháng cáo kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 22/11/2018, Ngân hàng TMCP LV có đơn kháng cáo kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 23/11/2018, Viện kiểm sát nhân dân Quận AA, Thành phố H ban hành quyết định số 03/QĐKN-PT-VKS-DS kháng nghị một phần bản án sơ thẩm

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Nguyên đơn – ông Văn Xuân T, bị đơn - ông Lê M T và ông Trần Kim M đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án như sau:

1. Xác định hợp đồng đặt cọc ký kết giữa hai bên ngày 27/01/2018 là vô hiệu do vi phạm điều cấm pháp luật. Ông Lê M T và ông Trần Kim M đồng ý bồi hoàn gấp đôi cho nguyên đơn, cụ thể là sẽ trả cho ông Văn Xuân T số tiền đặt cọc là 10.000.000.000 tỷ đồng (mười tỷ đồng) và bồi thường cho ông T 120.000.000.000 đồng (hai mươi tỷ đồng), tổng cộng là 30.000.000.000 đồng (ba mươi tỷ đồng).

2. Ông Lê M T đồng ý chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Phương thức thanh toán:

3.1. Đợt 01: ngày 25/01/2019, ông Lê M T và ông Trần Kim M chuyển khoản số tiền 21.000.000.000 đồng (hai mươi một tỷ đồng) cho ông T vào tài khoản số 0371000411307, chủ sở hữu là ông Văn Xuân T, mở tại Ngân hàng NTT – chi nhánh DD. Ông Trần Kim M giao chiếc xe hơi hiệu Cadillac Escalade biển số 51F506.59 đứng tên ông M cho ông Văn Xuân T kèm theo giấy tờ xe, chìa khoá xe và hoàn tất việc chuyển quyền sở hữu xe cho ông Văn Xuân T để cân trừ nghĩa vụ với giá trị là 4.000.000.000 đồng (bốn tỷ đồng).

3.2. Đợt 02: Số tiền 5.000.000.000 đồng (năm tỷ đồng) còn lại được thanh toán cho ông Văn Xuân T trong thời hạn là 04 tháng kể từ ngày Tòa án công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

4. Huỷ biện pháp khẩn cấp tạm thời “Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ” phong tỏa phần vốn góp của ông Trần Kim M có trong Công ty TNHH Thương mại – Dịch vụ M TK đã được Tòa án nhân dân Quận AA áp dụng tại Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 42/QĐ – BPKCTTT ngày 25 tháng 7 năm 2018 và Quyết định bổ sung quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 3742/2018/QĐ SCBS ngày 27 tháng 7 năm 2018.

5. Huỷ biện pháp khẩn cấp tạm thời “Cấm xuất cảnh đối với người có nghĩa vụ” cấm xuất cảnh đối với ông Lê M T đã được Tòa án nhân dân Quận AA áp dụng tại Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 62/QĐ – BPKCTT ngày 26 tháng 9 năm 2018.

Ngân hàng TMCP LV (sau đây gọi tắt là Ngân hàng Liên Việt) có đại diện theo uỷ quyền là bà Nguyễn Thị Thu H7 và luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng Liên Việt cùng trình bày: Ngân hàng giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xác định hợp đồng đặt cọc ký kết ngày 27/01/2018 là vô hiệu vì vi phạm điều cấm pháp luật, nếu sự thỏa thuận của các đương sự không ảnh hưởng đến quyền lợi của Ngân hàng Liên Việt thì Ngân hàng Liên Việt không có ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H Phát biểu quan điểm vụ án:

1. Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của các đương sự làm trong hạn luật định nên hợp lệ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia phiên tòa chấp hành đúng quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm.

2. Về nội dung kháng cáo, kháng nghị: Sự thoả thuận của các đương sự là không trái với quy định pháp luật, không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng Liên Việt nên đề nghị công nhận. Do công nhận sự thoả thuận của các đương sự nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét đến kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Quận AA.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy:

1. Về tố tụng:

1.1. Ngày 08/11/2018, Tòa án nhân dân Quận AA xét xử vụ án theo thủ tục sơ thẩm. Ngày 12/11/2018, ông Th làm đơn kháng cáo. Ngày 22/11/2018, ông Trần Kim M làm đơn kháng cáo. Ngày 22/11/2018, Ngân hàng TMCP LVL làm đơn kháng cáo. Ông M, ông Th và Ngân hàng TMCP LVL làm đơn kháng cáo là còn trong hạn luật định và đã làm thủ tục kháng cáo theo đúng quy định của pháp luật. Ngày 23/11/2018, Viện kiểm sát nhân dân Quận AA, Thành phố H ban hành quyết định số 03/QĐKN-PT-VKS-DS là đúng thẩm quyền và còn trong thời hạn luật định nên có cơ sở chấp nhận.

1.2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – Công ty Z và ông Nguyễn Thế Phưởng mặt tại phiên tòa thuộc trường hợp đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó theo khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

2. Về nội dung:

2.1. Nguyên đơn – ông Văn Xuân T, bị đơn - ông Lê M T và ông Trần Kim M đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án như sau:

2.1.2. Xác định hợp đồng đặt cọc ký kết giữa hai bên ngày 27/01/2018 là vô hiệu do vi phạm điều cấm pháp luật. Ông Lê M T và ông Trần Kim M đồng ý bồi hoàn gấp đôi cho nguyên đơn, cụ thể là sẽ trả cho ông Văn Xuân T số tiền đặt cọc là 10.000.000.000 tỷ đồng (mười tỷ đồng) và bồi thường cho ông Văn Xuân T 20.000.000.000 đồng (hai mươi tỷ đồng), tổng cộng là 30.000.000.000 đồng (ba mươi tỷ đồng).

2.1.3. Ông Lê M T đồng ý chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

2.1.4. Phương thức thanh toán:

- Đợt 01: ngày 25/01/2019, ông Lê M T và ông Trần Kim M chuyển khoản số tiền 21.000.000.000 đồng (hai mươi một tỷ đồng) cho ông Th1 vào tài khoản số 0371000411307, chủ sở hữu là ông Văn Xuân T, mở tại Ngân hàng NTT – chi nhánh DD. Ông Trần Kim M giao chiếc xe hơi hiệu Cadillac Escalade biển số 51F 506.59 đứng tên ông M cho ông Văn Xuân T kèm theo giấy tờ xe, chìa khoá xe và hoàn tất việc chuyển quyền sở hữu xe cho ông Văn Xuân T để cân trừ nghĩa vụ với giá là 4.000.000.000 đồng (bốn tỷ đồng).

- Đợt 02: Số tiền 5.000.000.000 đồng (năm tỷ đồng) còn lại được thanh toán cho ông Th1 trong thời hạn là 04 tháng kể từ ngày Toà án công nhận sự thoả thuận của các đương sự.

2.1.5. Huỷ biện pháp khẩn cấp tạm thời “Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ” phong tỏa phần vốn góp của ông Trần Kim M có trong Công ty TNHH Thương mại – Dịch vụ M TK đã được Tòa án nhân dân Quận AA áp dụng tại Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 42/QĐ – BPKCTTT ngày 25 tháng 7 năm 2018 và Quyết định bổ sung quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 3742/2018/QĐ SCBS ngày 27 tháng 7 năm 2018.

2.1.6. Huỷ biện pháp khẩn cấp tạm thời “Cấm xuất cảnh đối với người có nghĩa vụ” cấm xuất cảnh đối với ông Lê M T đã được Tòa án nhân dân Quận AA áp dụng tại Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 62/QĐ – BPKCTT ngày 26 tháng 9 năm 2018.

2.2. Tại phiên toà, Ngân hàng Liên Việt giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xác định hợp đồng đặt cọc ký kết ngày 27/01/2018 là vô hiệu vì vi phạm điều cấm pháp luật, nếu sự thoả thuận của các đương sự không ảnh hưởng đến quyền lợi của Ngân hàng Liên Việt thì Ngân hàng Liên Việt không có ý kiến.

Hội đồng xét xử nhận thấy sự thoả thuận của nguyên đơn, bị đơn phù hợp với kháng cáo và lời trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (Ngân hàng Liên Việt), phù hợp với quy định pháp luật, không trái đạo đức xã hội, được Viện kiểm sát Thành phố H đề nghị công nhận nên Hội đồng xét xử công nhận sự thoả thuận của nguyên đơn và bị đơn, chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (Ngân hàng Liên Việt) là có căn cứ.

3. Về án phí sơ thẩm

Ông Lê M T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 138.000.000 đồng (một trăm ba mươi tám triệu đồng).

4. Về án phí phúc thẩm:

Do các đương sự đã thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên ông Lê M Th, ông Trần Kim M là người kháng cáo vẫn phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 5 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Do chấp nhận kháng cáo nên người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (Ngân hàng Liên Việt) không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lý do trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 300 và Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009.

Tuyên xử:

Sửa bản án sơ thẩm số 634/2018/DS-ST ngày 08/11/2018 của Tòa án nhân dân Quận AA, công nhận sự thỏa thuận của nguyên đơn và bị đơn, chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (Ngân hàng Liên Việt) cụ thể:

1. Công nhận sự thỏa thuận của đương sự:

1.1. Xác định hợp đồng đặt cọc ký kết giữa hai bên ngày 27/01/2018 là vô hiệu do vi phạm điều cấm pháp luật. Ông Lê M T và ông Trần Kim M bồi hoàn gấp đôi cho ông Văn Xuân T, cụ thể là có trách nhiệm thanh toán cho ông Th1 số tiền đặt cọc là 10.000.000.000 tỷ đồng (mười tỷ đồng) và bồi thường cho ông Th2 120.000.000.000 đồng (hai mươi tỷ đồng), tổng cộng là 30.000.000.000 đồng (ba mươi tỷ đồng).

1.2. Ông Lê M T chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

1.3. Phương thức thanh toán:

1.3.1. Đợt 01: ngày 25/01/2019, ông Lê M T và ông Trần Kim M chuyển khoản số tiền 21.000.000.000 đồng (hai mươi một tỷ đồng) cho ông Th1 vào tài khoản số 0371000411307, chủ sở hữu là ông Văn Xuân T, mở tại Ngân hàng NTT – chi nhánh DD. Ông Trần Kim M giao chiếc xe hơi hiệu Cadillac Escalade biển số 51F506.59 đứng tên ông Trần Kim M cho ông Văn Xuân T kèm theo giấy tờ xe, chìa khóa xe và hoàn tất việc chuyển quyền sở hữu xe cho ông Văn Xuân T để cản trừ nghĩa vụ với giá trị là 4.000.000.000 đồng (bốn tỷ đồng).

1.3.2. Đợt 02: Số tiền 5.000.000.000 đồng (năm tỷ đồng) còn lại được thanh toán cho ông Văn Xuân T trong thời hạn là 04 tháng kể từ ngày bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật..

2. Huỷ biện pháp khẩn cấp tạm thời “Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ” phong tỏa phần vốn góp của ông Trần Kim M có trong Công ty TNHH Thương mại – Dịch vụ M TK đã được Tòa án nhân dân Quận AA áp dụng tại Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 42/QĐ – BPKCTTT ngày 25 tháng 7 năm 2018 và Quyết định bổ sung quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 3742/2018/QĐ SCBS ngày 27 tháng 7 năm 2018.

3. Huỷ biện pháp khẩn cấp tạm thời “Cấm xuất cảnh đối với người có nghĩa vụ” cấm xuất cảnh đối với ông Lê M T đã được Tòa án nhân dân Quận AA áp dụng tại Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 62/QĐ – BPKCTT ngày 26 tháng 9 năm 2018.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lê M T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 138.000.000 đồng (một trăm ba mươi tám triệu đồng).

Hoàn lại cho ông Văn Xuân T số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0022992 ngày 11 tháng 5 năm 2018 của Chi Cục thi hành án dân sự Quận AA là 100.250.000 đồng.

3. Án phí dân sự phúc thẩm:

3.1. Ông Lê M Th, ông Trần Kim M phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai số AA/2017/0023713 ngày 22/11/2018, AA/2017/0023714 ngày 22/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận AA, Thành phố H. Ông Lê M Th, ông Trần Kim M và Ngân hàng TMCP LV đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

3.2. Ngân hàng TMCP LV không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn lại cho Ngân hàng TMCP LV theo Biên lai số AA/2017/0023801 ngày 10/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận AA, Thành phố H.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phùng Văn H Trịnh Đắc P

Vũ Đức T